BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 173/2018/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2018*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 3173
Ngày: 23/9/18
PCVP Long
Chuyển: Phòng KTTC

THÔNG TƯ

Hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về nguồn tài chính, quản lý, sử dụng nguồn tài chính, hạch toán kế toán và chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tài chính đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại Điều 38 Luật Thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp; tổ chức thủy lợi cơ sở (hợp tác xã, tổ hợp tác) và cá nhân theo quy định của Chính phủ thực hiện việc quản lý, khai thác công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước (gọi tắt là đơn vị khai thác công trình thủy lợi).

2. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước.

Chương II

NGUỒN TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 3. Nguyên tắc xác định nguồn tài chính của các đơn vị khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

1. Đơn vị khai thác công trình thủy lợi được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 21 và khoản 3 Điều 23 Luật Thủy lợi, được thu tiền từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cho các đối tượng sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa công trình thủy lợi; cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hỗ trợ phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sa mạc hóa, lũ, ngập lụt, úng; hỗ trợ cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo mục tiêu hỗ trợ được cơ quan có thẩm quyền quyết định và quản lý theo quy định Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư công.

3. Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và tài sản khác đầu tư bằng vốn nhà nước

a) Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư bằng vốn nhà nước:

- Việc thanh lý, nhượng bán và sử dụng tiền thu từ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư bằng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước, số tiền thu được sau khi trừ chi phí, nộp thuế (nếu có) khi thanh lý, nhượng bán đối với tài sản là kết cấu hạ tầng thủy lợi đầu tư bằng vốn nhà nước được ghi tăng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

b) Thu từ thanh lý tài sản khác đầu tư bằng vốn nhà nước của các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi

- Việc thanh lý, nhượng bán tài sản khác đầu tư bằng vốn nhà nước (gồm tiền đền bù, giải tỏa...) của doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

- Đối với doanh nghiệp nhà nước thì số tiền thu từ thanh lý tài sản ít hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán thì làm rõ trách nhiệm bồi thường của tập thể, cá nhân liên quan; số chênh lệch còn lại được ghi giảm vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp. Đơn vị khai thác công trình thủy lợi báo cáo cơ quan chủ sở hữu xem xét quyết định giảm vốn sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các đối tượng theo quy định của Chính phủ thông qua hình thức chi trả trực tiếp cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trên cơ sở số lượng sản phẩm đã được nghiệm thu và mức giá sản phẩm cụ thể được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

a) Ngân sách trung ương chi trả cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương, ngân sách địa phương chi trả cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;

b) Việc nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi được quy định như sau:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiệm thu sản phẩm đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nghiệm thu sản phẩm đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;

c) Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi do Trung ương quản lý;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá cụ thể đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi do địa phương quản lý.

Điều 4. Nguồn tài chính trong các doanh nghiệp quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

1. Nguồn thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ, công ích thủy lợi và hỗ trợ tài chính của nhà nước

a) Căn cứ xác định nguồn thu bao gồm: Biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng; hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi ký kết theo quy định tại Điều 32 Luật Thủy lợi xác định khối lượng sản phẩm được nghiệm thu và giá sản phẩm dịch vụ công ích theo quy định; quyết định trợ cấp, trợ giá, hỗ trợ tài chính của cơ quan có thẩm quyền và các hồ sơ cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Nguồn thu được tính vào doanh thu của doanh nghiệp gồm:

- Nguồn thu từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi để chi trả cho việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc đối tượng được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Thủy lợi;

- Nguồn thu từ việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đối tượng không được ngân sách nhà nước hỗ trợ phải nộp cho đơn vị khai thác công trình thủy lợi;

- Nguồn thu từ các khoản hỗ trợ của Nhà nước theo quy định như các khoản kinh phí trợ giá, trợ cấp, hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định.

2. Nguồn thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác; thu nhập tài chính khác và khoản thu từ các hoạt động kinh doanh khác được tính vào doanh thu và thu nhập khác gồm:

a) Nguồn thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác quy định tại khoản 3 Điều 30 Luật Thủy lợi;

b) Nguồn thu từ thu nhập từ hoạt động tài chính: Lãi tiền gửi ngân hàng, thu do cho thuê tài chính, thu do liên doanh, liên kết...;

c) Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài khoản 1; điểm a, điểm b khoản này.

Điều 5. Nguồn tài chính trong các tổ chức thủy lợi cơ sở

Nguồn tài chính để hoạt động trong các tổ chức thủy lợi cơ sở ngoài các nguồn thu được xác định quy định tại Điều 4 Thông tư này còn nhận được từ các nguồn sau:

1. Nguồn thu hỗ trợ của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

hệ thống tưới, tiêu tiên tiến và hiện đại; hệ thống xử lý nước thải để tái sử dụng theo khoản 3 Điều 4 Luật Thủy lợi;

2. Nguồn thu từ các tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi đóng góp theo điểm a khoản 1 Điều 51 Luật Thủy lợi;

3. Nguồn thu kinh phí hỗ trợ của Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 51 Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Nguồn tài chính của cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

Nguồn thu của cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước được xác định theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này (nếu có).

Chương III

SỬ DỤNG NGUỒN TÀI CHÍNH TRONG CÁC ĐƠN VỊ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 7. Nguyên tắc sử dụng nguồn tài chính

1. Đảm bảo thực hiện đầy đủ nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 38 Luật Thủy lợi.

2. Phân định rõ tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, các công trình được hình thành bằng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tại doanh nghiệp được chủ sở hữu giao quản lý sử dụng và khai thác.

3. Sử dụng đúng mục đích, đúng các chính sách, chế độ, định mức của nhà nước quy định, đảm bảo đầy đủ chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Đảm bảo tuân thủ pháp luật chuyên ngành về tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Đối với doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn. Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ doanh nghiệp. Đối với hợp tác xã thực hiện theo Luật Hợp tác xã, Điều lệ hợp tác xã. Đối với tổ hợp tác và cá nhân thực hiện theo quy định pháp luật về tổ hợp tác và pháp luật dân sự.

5. Đối với chi phí sửa chữa lớn

a) Nguồn kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm phần tính trong kết cấu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và phần ngân sách nhà nước hỗ trợ (kinh phí bảo trì);

b) Đơn vị khai thác công trình thủy lợi lập kế hoạch hàng năm kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định báo cáo cơ quan có thẩm quyền để tổng hợp, phê duyệt trong

đó nêu rõ tổng số kinh phí cần sửa chữa, nguồn sửa chữa được tính trong kết cấu giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi thuộc trung ương quản lý được hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương;

- Đối với các đơn vị khai thác công trình thủy lợi thuộc địa phương quản lý được hỗ trợ từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn hỗ trợ của ngân sách trung ương (nếu có);

c) Kinh phí sửa chữa lớn tài sản cố định được quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán thực hiện theo pháp luật về đầu tư xây dựng. Kinh phí sửa chữa lớn tài sản chỉ được dùng để sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, không được dùng vào việc khác, không được chuyển thành lãi của đơn vị khai thác công trình thủy lợi. Trường hợp không dùng hết thì kết chuyển kinh phí sang năm sau để tiếp tục thực hiện công tác sửa chữa lớn.

6. Đối với chi phí khấu hao tài sản cố định

a) Việc trích khấu hao tài sản cố định của đơn vị khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và pháp luật khác có liên quan;

b) Các tài sản cố định sau đây của đơn vị khai thác công trình thủy lợi không phải trích khấu hao, chỉ mở sổ chi tiết theo dõi giá trị hao mòn hàng năm của từng tài sản và không được ghi giảm nguồn vốn hình thành tài sản:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, tài sản được xây đắp bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương...);

- Máy bơm nước từ 8.000m3/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình;

c) Việc trích khấu hao tài sản cố định của đơn vị khai thác công trình thủy lợi áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Điều 8. Sử dụng nguồn tài chính đối với doanh nghiệp

Doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi sử dụng nguồn tài chính tại Điều 4 Thông tư này để bù đắp chi phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi như sau:

1. Chi cho công tác vận hành

a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, tiền ăn giữa ca, các khoản phải nộp tính theo lương như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo

hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của người lao động do doanh nghiệp trực tiếp trả lương;

b) Chi nguyên, nhiên, vật liệu để vận hành, bảo dưỡng công trình, máy móc thiết bị;

c) Chi tiền điện để bơm cấp nước, tưới nước, tiêu nước (bao gồm cả tiền điện bơm nước chống úng, chống hạn trong định mức và vượt định mức);

d) Chi trả tạo nguồn nước;

đ) Chi cho công tác bảo hộ, an toàn lao động (nếu có); bảo vệ công trình thủy lợi, phục vụ phòng chống bão lụt, úng hạn (bao gồm cả trong điều kiện thời tiết bình thường và thiên tai).

2. Chi bảo trì công trình thủy lợi bao gồm: chi phí kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ, sửa chữa thường xuyên, định kỳ tài sản. Các chi phí này không làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

3. Chi khấu hao tài sản cố định

Việc trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Thông tư này và các quy định hiện hành.

4. Chi quản lý doanh nghiệp

a) Chi cho công tác quản lý doanh nghiệp như: Văn phòng phẩm, nguyên nhiên vật liệu dùng để sửa chữa tài sản, công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng trong công tác quản lý, chi phí đàm thoại vận hành bằng hệ thống máy vi tính để điều hành nước phục vụ sản xuất;

b) Chi đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới xây dựng chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi;

c) Chi dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế (không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định) được phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp;

d) Chi hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, chi lao động nữ, khám bệnh định kỳ hàng năm, nộp phí tham gia hội nghị, trợ cấp thôi việc, chí phí kiểm toán...;

đ) Chi cho công tác thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đối tượng phải thu, thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác;

e) Chi dự phòng: giảm giá hàng tồn kho, tổn thất đầu tư dài hạn, nợ phải thu khó đòi, các khoản dự phòng khác được pháp luật quy định;

g) Các khoản thuế, phí phải nộp theo quy định của pháp luật như: tiền thuế đất, thuê đất, phí trước bạ....

5. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

a) Chi tài chính;

b) Chi cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, chi phí khai thác sử dụng tài nguyên nước, chi phí lập quy trình vận hành công trình thủy lợi, chi phí xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi, phòng chống lũ lụt vùng hạ du, chi phí xây dựng quy trình bảo trì công trình thủy lợi, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đo đạc, kiểm định đánh giá an toàn công trình (trong trường hợp chưa có nguồn khác đảm bảo);

c) Các khoản chi khác như: Vớt rác, nạo vét bể hút trạm bơm, giải tỏa bèo rác, vật cản...

Điều 9. Sử dụng nguồn tài chính đối với tổ chức thủy lợi cơ sở

1. Tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng nguồn tài chính quy định tại Điều 5 Thông tư này để bù đắp chi phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi nội dung quy định tại Điều 8 Thông tư này còn thực hiện chi cho đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; hệ thống xử lý nước thải để tái sử dụng.

2. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính của tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Hợp tác xã, Điều lệ hợp tác xã. Đối với tổ hợp tác theo quy định pháp luật về tổ hợp tác, pháp luật dân sự.

Điều 10. Sử dụng nguồn tài chính của cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước

1. Cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng nguồn tài chính quy định tại Điều 6 Thông tư này để bù đắp chi phí quản lý, khai thác công trình thủy lợi do cá nhân được giao quản lý khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước quy định tại Điều 8 Thông tư này còn thực hiện chi cho đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng; hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; hệ thống xử lý nước thải để tái sử dụng.

2. Việc sử dụng nguồn thu của cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thực hiện quy định pháp luật về dân sự.

Điều 11. Quy định về việc sử dụng nguồn tài chính trong đơn vị khai thác công trình thủy lợi

1. Nguồn thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ, công ích thủy lợi và hỗ trợ tài chính của nhà nước để bù đắp chi phí hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ, công ích thủy lợi.

2. Nguồn thu từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để bù đắp chi phí hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác kể cả các khoản thuế phải nộp (nếu có).

3. Nguồn thu từ hoạt động tài chính để bù đắp chi phí hoạt động tài chính kể cả các khoản thuế phải nộp (nếu có).

4. Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh khác để bù đắp chi phí hoạt động kinh doanh khác kể cả các khoản thuế phải nộp (nếu có).

5. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

6. Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác và hoạt động khác thực hiện phân bổ theo quy định pháp luật về kế toán hiện hành. Không được lấy lợi nhuận từ hoạt động công ích để bù trừ cho các hoạt động khác bị thua lỗ.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị khai thác công trình thủy lợi được sử dụng lãi từ kết quả hoạt động tài chính và hoạt động khác bù đắp cho kết quả hoạt động công ích.

Điều 12. Kết quả tài chính của đơn vị khai thác công trình thủy lợi và trích lập Quỹ

1. Kết quả tài chính của đơn vị khai thác công trình thủy lợi là tổng các nguồn thu của hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, hoạt động cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác, hoạt động tài chính, hoạt động kinh doanh khác sau khi trừ chi phí kể cả các khoản thuế phải nộp (nếu có).

2. Đối với doanh nghiệp được xác định là lợi nhuận của trong năm của doanh nghiệp làm cơ sở để phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của doanh nghiệp.

3. Đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi khác (hợp tác xã, tổ chức thủy lợi cơ sở, ...) thì căn cứ vào điều lệ của đơn vị tự quyết định việc trích lập và sử dụng quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

4. Các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi được thực hiện trích và nguồn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi như sau:

a) Doanh nghiệp thực hiện hình thức giao nhiệm vụ không sử dụng kinh phí hỗ trợ sản phẩm dịch vụ công ích để trích 02 quỹ khen thưởng phúc lợi; căn cứ kết quả xếp loại doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện trích lập theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và được hỗ trợ một phần kinh phí trích lập quỹ theo khả năng ngân sách:

- Ngân sách trung ương hỗ trợ cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi trung ương;

- Ngân sách địa phương hỗ trợ cho các đơn vị khai thác công trình thủy lợi địa phương;

b) Doanh nghiệp thực hiện theo hình thức đấu thầu, đặt hàng cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, căn cứ kết quả tài chính của doanh nghiệp và kết quả xếp loại doanh nghiệp, doanh nghiệp thực hiện trích lập 02 quỹ phúc lợi và khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Chương IV

HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

Điều 13. Hạch toán kế toán

1. Đơn vị khai thác công trình thủy lợi thực hiện hạch toán kế toán theo quy định pháp luật kế toán hiện hành.

2. Hạch toán riêng từng phần nguồn thu, sử dụng nguồn thu từ hỗ trợ của nhà nước và các hoạt động kinh doanh của đơn vị.

Điều 14. Kế hoạch tài chính

1. Hàng năm trước ngày 30 tháng 6, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi căn cứ vào nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, dịch vụ; đơn giá và định mức kinh tế kỹ thuật, các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi phải lập kế hoạch tưới nước, tiêu nước, cấp nước trong điều kiện thời tiết bình thường theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý tài sản công, Luật Thủy lợi, Luật Quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn để gửi các cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể:

a) Đơn vị khai thác công trình thuỷ lợi thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc huyện: Phòng Tài chính thuộc huyện chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và tổng hợp kế hoạch tài chính các đơn vị trong huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Đơn vị khai thác công trình thuỷ lợi thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc tỉnh, thành phố: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và tổng hợp kế hoạch tài chính các đơn vị khai thác công trình thuỷ lợi (bao gồm cả các huyện) trình Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đồng thời gửi Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Đơn vị khai thác công trình thủy lợi thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn và tổng hợp kế hoạch tài chính các đơn vị khai thác công trình thủy lợi gửi Bộ Tài chính.

2. Các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch theo các phụ biểu và giải trình, thuyết minh số liệu theo mẫu tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các quy định tại văn bản hướng dẫn, bổ sung, thay thế (nếu có) và giải trình chi tiết từng mục thu, chi theo Điều 4, Điều 8 Thông tư này.

3. Đối với doanh nghiệp khác, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập kế hoạch tài chính chi tiết theo các khoản mục thu, chi theo đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư này trong đó bao gồm số thực hiện của năm liền trước năm báo cáo và kế hoạch năm báo cáo (năm hiện tại).

Điều 15. Báo cáo tài chính

1. Hàng năm, trước ngày 30 tháng 3, các đơn vị khai thác công trình thủy lợi phải lập báo cáo tài chính tình hình nguồn tài chính, sử dụng nguồn tài chính của kế hoạch và quyết toán năm báo cáo theo từng đối tượng, cụ thể như sau:

a) Đơn vị khai thác công trình thuỷ lợi thuộc đối tượng thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc huyện gửi Phòng Tài chính kế hoạch và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phòng Tài chính kế hoạch thuộc huyện chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Đơn vị khai thác công trình thuỷ lợi thuộc đối tượng thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp (bao gồm cả các huyện) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đồng thời gửi Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Đơn vị khai thác công trình thủy lợi thuộc đối tượng thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

2. Các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch theo các phụ biểu và giải trình, thuyết minh số liệu theo mẫu tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn

nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp, Thông tư hướng dẫn số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, thay thế (nếu có) và giải trình chi tiết từng mục thu, chi theo Điều 4, Điều 8 Thông tư này trong đó bao gồm số kế hoạch và số thực hiện của năm báo cáo.

3. Đối với doanh nghiệp khác, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi lập báo cáo tài chính chi tiết theo các khoản mục thu, chi theo đối tượng quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư này trong đó bao gồm số kế hoạch và số thực hiện của năm báo cáo.

Điều 16. Kiểm tra, giám sát

1. Định kỳ hàng năm cơ quan chủ sở hữu thực hiện việc kiểm tra giám sát và phê duyệt tình hình thực hiện các nhiệm vụ cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh các đơn vị khai thác công trình thủy lợi.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ khai thác công trình thủy lợi, việc kiểm tra giám sát này thực hiện đồng thời với việc giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước theo Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, bổ sung, thay thế (nếu có). Cụ thể như sau:

a) Đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi thuộc trung ương quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện việc kiểm tra, giám sát. Kết quả kiểm tra, giám sát báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Đối với đơn vị khai thác công trình thủy lợi thuộc địa phương quản lý, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát báo cáo kết quả Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đồng thời gửi kết quả kiểm tra, giám sát về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và thay thế Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

2. Các đơn vị khai thác công trình thủy lợi là các đơn vị sự nghiệp công lập (trung tâm, ban quản lý khai thác công trình thủy lợi...) trong quá trình chưa thực hiện sắp xếp theo Luật Thủy lợi thực hiện theo các văn bản hướng dẫn Luật Thủy lợi; nguồn tài chính và việc sử dụng nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước áp dụng như đối tượng doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Huỳnh Quang Hải

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTgCP;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Sở NN&PTNT, Kho bạc Nhà nước; các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Liên minh HTX VN, các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Cục TCDN.